

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HS-PT
Ngày 22-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi;
Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Đào Tiên Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo Nguyễn Hữu H (tên gọi khác: D), do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2021/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu H (tên gọi khác: D), sinh năm 1981, tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú H1 và bà Trịnh Liên G; có vợ Cô Thị Thúy H2 (chưa đăng ký kết hôn) và 02 con; tiền án không, tiền sự không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 01-4-2021, sau đó chuyển qua tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Bị hại Quách Miền X; Người làm chứng Quách Miền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 26-10-2003, bị cáo Nguyễn Hữu H cùng với Nguyễn Minh H3 nhậu tại quán của ông Huỳnh Đỗ N, ở ấp P, thị trấn L, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng. Sau khi nhậu xong, H nhờ ông N gọi giúp 02 chiếc xe ôm để chở H và H3 về. Một lúc sau, ông Quách Miên X và con ruột là Quách Miên T đến chở H và H3 đi về hướng ấp N, xã L, huyện T. Đi được một đoạn, xe của ông X bị thùng lốp nên T tiếp tục chạy xe chở H và H3 đi về hướng bến xe ôm thuộc ấp C, thị trấn L để nhờ người xe ôm khác chở H và H3. Khi đến bến xe, T hỏi ông Thạch Quang S có đi “Chôm xoài” không, ông S đồng ý đi, lúc này H và H3 xuống xe, H hỏi giá xe ôm bao nhiêu tiền, T trả lời là 4.000 đồng, H không đồng ý và cự cãi qua lại với T, sau đó H dùng tay đánh T nhiều cái trúng vào mặt gây thương tích nhẹ, T bỏ chạy; còn H và H3 đi về hướng Chùa Dơi; khi đi qua chùa Phước Thiện thuộc ấp C, thị trấn L thì ông X chạy xe đến gặp H và H3, ông X và H cự cãi qua lại rồi đánh nhau, H và H3 bỏ chạy, H chạy vô hẻm gần đó, H thấy cây dao bên cạnh cái giường chỗ bán mía lạnh, cóc ỏi nên cầm lấy và gỡ thêm một đoạn gỗ chân giường, sau đó H quay lại tìm ông X, lúc này ông X đang đứng với mọi người thì H bất ngờ từ phía sau dùng dao chém và dùng đoạn gỗ đánh vào người ông X liên tục gây thương tích ở vùng mặt, vùng đầu và lưng. Ông X được đưa đi cấp cứu, điều trị, còn H thì bỏ trốn sau đó. Ngày 05-02-2004, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định truy nã H. Đến ngày 01-4-2021, H đến Công an thị trấn L, huyện T đầu thú.

Tại Biên bản giám định pháp y số 238/TCPY.2003 ngày 28-11-2003 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Đối tượng giám định Quách Miên X bị chém do dao sắc (không vật chứng) trúng nhiều nơi trên cơ thể, gây đa vết thương mô mềm. Dấu hiệu chính qua giám định: 08 (Tám) sẹo phần mềm ở vùng đầu, mặt, vai và lưng, kích thước nhỏ nhất của sẹo là 02 x 0,5cm, lớn nhất 12 x 0,4cm; sẹo vùng cằm và môi trên ảnh hưởng đến trung bình thẩm mỹ vùng mặt. Về cơ năng: còn đau nhức các vết sẹo; X quang xương sọ: Không thấy tổn thương. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21%.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông X yêu cầu H bồi thường chi phí điều trị thương tích và ngày công lao động tổng cộng 12.615.000 đồng và H đã gửi cho Cơ quan điều tra Công an huyện T số tiền này để khắc phục hậu quả theo yêu cầu của ông X.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2021/HS-ST ngày 15-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-

4-2021. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về bồi thường thiệt hại, về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Đến ngày 27-9-2021, bị cáo H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt, với lý do: Trước khi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước; trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thật sự nhận ra khuyết điểm, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị cáo H là hợp pháp. Về nội dung kháng cáo của bị cáo H, các lý do bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt đã được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng, không phải là tình tiết giảm nhẹ mới và mức hình phạt cũng tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H đảm bảo về hình thức và nội dung kháng cáo, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đều thừa nhận: Vào chiều tối ngày 26-10-2003, sau khi cự cãi với Quách Miền T về việc trả tiền xe ôm, bị cáo đã dùng tay đánh T nhiều cái trúng vào mặt nhưng gây thương tích nhẹ, T bỏ chạy, bị cáo tiếp tục đi và khi qua chùa Phước Thiện thuộc ấp C, thị trấn L, huyện L (nay là huyện T) thì gặp bị hại X, ông X hỏi sự việc tại sao đánh T thì bị cáo đánh ông X và được mọi người can ngăn, sau đó bị cáo lấy dao và đoạn gỗ gần đó chém và đánh liên tục trúng vào vùng đầu, lưng và vùng mặt của ông X, làm cho ông X bị tổn thương cơ thể tỷ lệ là 21%. Giữa bị cáo và ông X không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo lại vô cớ dùng dao, đoạn gỗ là loại hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông X với tỷ lệ tổn thương cơ thể 21% là phạm tội cố ý gây thương tích thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất

côn đồ” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tương ứng với điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đang có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, khung hình phạt trong trường hợp này theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì có lợi cho người phạm tội, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo H phạm tội cố ý gây thương tích và áp dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, khi quyết định hình phạt, Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ sau đây cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra và ra đầu thú sau khi bị truy nã, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, các lý do bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt như chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước, bị cáo đã thật sự nhận ra khuyết điểm, thành khẩn khai báo, giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án đã được Cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng; còn bị cáo cho rằng mình thật sự ăn năn hối cải là không có cơ sở, bởi lẽ ăn năn hối cải là trường hợp sau khi gây án, người phạm tội cảm thấy bị cắn rứt, giày vò lương tâm về những việc làm của mình, hối hận và muốn sửa chữa lỗi lầm, việc ăn năn hối cải không chỉ được thể hiện bằng lời nói mà bằng những hành động tích cực như chấp hành pháp luật, gương mẫu trong mọi lĩnh vực sinh hoạt của đời sống xã hội, hối hận với hành vi phạm tội của mình, có thái độ tích cực khắc phục hậu quả, sửa chữa những sai lầm do mình gây ra, nhưng thực tế là sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn một thời gian rất dài, chưa có hành động nào thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo nên lý do kháng cáo này cũng không được chấp nhận. Mặt khác, Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù cũng đã tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo H, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“Trường hợp chỉ bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm thì người kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm”*. Như vậy, bị cáo H là người kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm và cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ

nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H (tên gọi khác: D), về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H (tên gọi khác: D) 03 (ba) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ (tức ngày 01 tháng 4 năm 2021).

3. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu H phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- VKSND huyện Trần Đề (01 bản);
- TAND huyện Trần Đề (02 bản);
- Công an huyện T (01 bản);
- Chi cục THADS huyện T (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm

